

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 – 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 5 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

Trụ sở chính của Công ty tại Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên
Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên	Từ ngày 25/4/2025
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên	Đến ngày 25/4/2025
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên	

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

010149
CÔNG
CỔ PH
CH GIÁC
I THÀN
HÀ N
GIẤY-

Số: 06.06.1.3/25/BCTC/NVA.CNHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội, được lập ngày 05 tháng 3 năm 2026, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này tại ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3407-2025-152-1

Kiểm toán viên

Đỗ Thị Minh Duyên
Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 5664-2023-152-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.181.840.691	110.219.190.833
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.913.992.991	18.646.479.559
1. Tiền	111		1.913.992.991	2.646.479.559
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	16.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	29.012.455.933	15.103.201.010
1. Chứng khoán kinh doanh	121		31.517.540.157	15.170.615.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.505.084.224)	(67.414.540)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.537.136.096	62.261.793.947
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.465.227.922	17.594.939.271
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	57.750.000	30.750.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	43.850.000.000	52.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.884.313.240	684.693.316
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.720.155.066)	(8.048.588.640)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	16.635.942.122	14.054.682.403
1. Hàng tồn kho	141		19.182.085.978	16.020.598.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.546.143.856)	(1.965.915.784)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.313.549	153.033.914
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	82.313.549	126.601.420
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	26.432.494
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.562.740.039	29.205.367.835
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	62.900.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	-	62.900.000
II. Tài sản cố định	220		354.698.061	489.628.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	354.698.061	489.628.166
- Nguyên giá	222		6.265.438.718	6.427.256.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.910.740.657)	(5.937.628.734)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	18.645.000.000	18.645.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.495.000.000	13.495.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.400.000.000	2.400.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.750.000.000	2.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.563.041.978	10.007.839.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	10.563.041.978	10.007.839.669
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		136.744.580.730	139.424.558.668

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.237.103.700	13.180.797.463
I. Nợ ngắn hạn	310		10.191.103.700	13.134.797.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	4.668.034.157	7.117.488.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	619.015.936	1.229.160.319
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.057.207.685	327.852.725
4. Phải trả người lao động	314		3.000.210.116	3.000.135.108
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	551.032.333	938.009.894
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	30.159.448	253.206.667
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		265.444.025	268.944.025
II. Nợ dài hạn	330		46.000.000	46.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	46.000.000	46.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.507.477.030	126.243.761.205
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	126.507.477.030	126.243.761.205
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		669.277.482	669.277.482
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.199.483.599	14.199.483.599
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.560.482.505	11.296.766.680
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.324.299.480	3.172.057.149
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.236.183.025	8.124.709.531
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		136.744.580.730	139.424.558.668

Người lập biểu



Vũ Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**Năm 2025**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	53.174.754.313	62.454.494.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	326.046.888	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.848.707.425	62.454.494.910
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	33.909.247.501	41.611.045.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.939.459.924	20.843.449.206
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.892.882.716	7.806.408.969
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.499.138.641	59.084.744
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.550.179	7.627.493
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	13.923.818.236	13.521.576.158
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	6.933.640.094	5.552.443.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.475.745.669	9.516.753.811
11. Thu nhập khác	31	VI.6	209.092.150	4.552.975
12. Chi phí khác	32	VI.7	37.912.409	2.372
13. Lợi nhuận khác	40		171.179.741	4.550.603
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.646.925.410	9.521.304.414
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	1.410.742.385	1.396.594.883
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.236.183.025	8.124.709.531

Người lập biểu



Vũ Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.646.925.410	9.521.304.414
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		134.930.105	179.822.928
- Các khoản dự phòng	03		2.689.464.182	(69.658.070)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.514.261.917)	(7.806.408.969)
- Chi phí lãi vay	06		52.550.179	7.627.493
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.009.607.959	1.832.687.796
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		262.863.756	6.848.499.123
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.161.487.791)	1.508.191.536
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.585.990.349)	545.575.474
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(510.914.438)	101.702.788
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(16.346.924.607)	(9.811.695.500)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(52.550.179)	(7.627.493)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(765.049.799)	(2.016.186.419)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.020.000	26.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.520.000)	(243.945.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.153.945.448)	(1.216.798.495)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		190.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.150.000.000	7.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.052.912.989	7.844.541.846
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		15.393.822.080	12.944.541.846

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.545.141.745	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.545.141.745)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.972.363.200)	(7.972.366.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.972.363.200)	(7.972.366.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11.732.486.568)	3.755.376.551
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.646.479.559	14.891.103.008
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.913.992.991	18.646.479.559

Người lập biểu



Vũ Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 5 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xuất bản và phát hành sách.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất bản và phát hành sách. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty phụ thuộc vào thời gian thực hiện hợp đồng với khách hàng. Đối với các loại hình khác, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong năm

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Sản xuất điện	67,48%	67,48%
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Khánh An (*)	Sản xuất điện	70,00%	47,23%
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Phương Nam (*)	Sản xuất điện	70,00%	47,23%

(*): Là các công ty mà Công ty kiểm soát gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có các công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tên công ty liên kết	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Xuất bản và phát hành sách	21,82%	21,82%
Công ty Cổ phần Đại Dương Solar	Sản xuất điện	49,95%	33,70%

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 30 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, ...) được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Công ty ghi nhận từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

d. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc năm tài chính lập báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Máy móc thiết bị	06 - 15	06 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 08	02 - 08
Phần mềm máy tính	03	03

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính báo cáo tài chính riêng trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, Nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được xác lập.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản hàng bán bị trả lại được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (năm trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán và cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, ...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	352.154.662	330.649.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.561.838.329	2.315.829.701
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	6.913.992.991	18.646.479.559

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình với lãi suất 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính	Đơn vị tính: VND								
	a. Chứng khoán kinh doanh	Cuối năm				Đầu năm			
		Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Cổ phiếu niêm yết	3.857.680	31.474.982.707	39.799.704.000	(2.484.132.224)	500.000	13.463.665.250	14.080.000.060	(51.969.690)
	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	-	-	-	-	90.000	3.651.969.750	3.600.000.060	(51.969.690)
	Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	802.680	15.434.638.281	20.307.804.000	-	140.000	3.051.570.500	3.514.000.000	-
	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	-	-	-	-	270.000	6.760.125.000	6.966.000.000	-
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG)	2.202.000	7.811.419.580	5.571.060.000	(2.240.359.580)	-	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	791.000	7.173.551.582	12.932.850.000	-	-	-	-	-
	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV (CST)	25.100	567.562.644	323.790.000	(243.772.644)	-	-	-	-
	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học bưu điện (ICT)	36.900	487.810.620	664.200.000	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.550	42.557.450	21.605.450	(20.952.000)	1.550	1.706.950.300	2.351.412.600	(15.444.850)
	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC) ⁽ⁱ⁾	1.550	42.557.450	21.605.450	(20.952.000)	1.550	42.557.450	27.112.600	(15.444.850)
	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV (CST)	-	-	-	-	100.000	1.664.392.850	2.324.300.000	-
	Cộng		31.517.540.157	39.821.309.450	(2.505.084.224)		15.170.615.550	16.431.412.660	(67.414.540)

Các chứng khoán kinh doanh hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính.

⁽ⁱ⁾: Chứng khoán của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP hiện đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCoM, theo đó giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính riêng do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm				Đầu năm				Đơn vị tính: VND
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào Công ty con		13.495.000.000	-			13.495.000.000	-		
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	67,48%	13.495.000.000	-	(*)	67,48%	13.495.000.000	-	(*)	
Đầu tư vào Công ty liên kết		2.400.000.000	-			2.400.000.000	-		
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	21,82%	2.400.000.000	-	(*)	21,82%	2.400.000.000	-	(*)	
Đầu tư vào đơn vị khác		2.750.000.000	-			2.750.000.000	-		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3,00%	750.000.000	-	(*)	3,00%	750.000.000	-	(*)	
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	1,84%	2.000.000.000	-	(*)	1,84%	2.000.000.000	-	(*)	
Cộng		18.645.000.000	-			18.645.000.000	-		

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư này do không có giá tham chiếu trên thị trường cho các khoản đầu tư và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty con, công ty liên kết: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘINhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	5.781.715.769	5.781.715.769
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Thanh Hoa	1.627.429.120	1.618.894.380
Các đối tượng khác	9.056.083.033	10.194.329.122
Cộng	16.465.227.922	17.594.939.271

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**4. Trả trước cho người bán**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Các đối tượng khác	57.750.000	30.750.000
Cộng	57.750.000	30.750.000

5. Phải thu về cho vay

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam (*)	43.850.000.000	52.000.000.000
Cộng	43.850.000.000	52.000.000.000

(*) Là các khoản cho Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam vay theo các Hợp đồng cho vay có kỳ hạn 12 tháng. Thời điểm giải ngân lần đầu từ năm 2020. Đối với các hợp đồng vay đến hạn, Công ty đã gia hạn cho các khoản vay theo Phụ lục hợp đồng vay vốn số 06-EBS-ESE/2025/PLHĐVV ngày 03/01/2025. Theo đó, thời hạn thanh toán của các khoản cho vay từ ngày 16/10/2025 đến ngày 06/01/2026. Lãi suất cho vay trong năm là 9,0%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 lô đất của ông Ngô Trọng Vinh và 03 dự án điện năng lượng mặt trời tại Ấp Tham Troi, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là xã Khánh Bình, tỉnh Cà Mau) và Ấp Canh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Gành Hào, tỉnh Cà Mau) mà Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam, Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Khánh An và Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Phương Nam đang sở hữu.

b. Phải thu về cho vay là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****6. Phải thu khác**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	332.154.165	283.700.165
Các khoản phải thu khác	1.552.159.075	400.993.151
+ <i>Lãi dự thu</i>	<i>671.536.988</i>	<i>400.993.151</i>
+ <i>Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam</i>	<i>518.778.898</i>	-
+ <i>Công ty Cổ phần In và Truyền thông Kết Thành</i>	<i>361.843.189</i>	-
Cộng	1.884.313.240	684.693.316
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	62.900.000
Cộng	-	62.900.000

c. Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê kho	45.000.000	126.601.420
Chi phí quản lý xuất bản	18.082.778	-
Các khoản khác	19.230.771	-
Cộng	82.313.549	126.601.420
b. Dài hạn		
Chi phí thuê dài hạn văn phòng (*)	8.073.925.255	8.325.580.063
Chi phí bản thảo	1.856.898.846	1.045.169.246
Các khoản khác	632.217.877	637.090.360
Cộng	10.563.041.978	10.007.839.669

(*): Thuê văn phòng dài hạn theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (Vinaconex 1), thời gian thuê là 44 năm từ ngày 15 tháng 10 năm 2014. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê cho cả thời gian thuê vào năm 2014.

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	187.869.455	3.953.926.172	2.285.461.273	6.427.256.900
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(161.818.182)	-	(161.818.182)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(161.818.182)	-	(161.818.182)
Số dư cuối năm	187.869.455	3.792.107.990	2.285.461.273	6.265.438.718
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	187.869.455	3.506.954.260	2.242.805.019	5.937.628.734
Số tăng trong năm	-	110.094.641	24.835.464	134.930.105
- Khấu hao trong năm	-	110.094.641	24.835.464	134.930.105
Số giảm trong năm	-	(161.818.182)	-	(161.818.182)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(161.818.182)	-	(161.818.182)
Số dư cuối năm	187.869.455	3.455.230.719	2.267.640.483	5.910.740.657
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	446.971.912	42.656.254	489.628.166
Tại ngày cuối năm	-	336.877.271	17.820.790	354.698.061

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày cuối năm là 5.647.532.355 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phản mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	63.000.000	63.000.000
Số tăng trong năm	-	-
- Mua trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	63.000.000	63.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	63.000.000	63.000.000
Số tăng trong năm	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng tại ngày cuối năm là 63.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính : VND					
Đầu năm		Phát sinh trong năm		Cuối năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
-	-	2.545.141.745	2.545.141.745	-	-
-	-	2.545.141.745	2.545.141.745	-	-
-	-	2.545.141.745	2.545.141.745	-	-
Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội					
-	-	2.545.141.745	2.545.141.745	-	-
Tổng cộng					
-	-	2.545.141.745	2.545.141.745	-	-

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính : VND					
Cuối năm			Đầu năm		
Giá trị		Số có khả năng trả nợ	Giá trị		Số có khả năng trả nợ
1.249.812.302			968.148.203		968.148.203
3.418.221.855			6.149.340.522		6.149.340.522
4.668.034.157			7.117.488.725		7.117.488.725
Cộng					

a. Ngắn hạn	
Xí nghiệp Bản đồ 1 – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ	
Các đối tượng khác	

a. Ngắn hạn
 Xí nghiệp Bản đồ 1 – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ
 Các đối tượng khác

b. Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước

a. Ngắn hạn
 Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
 Các đối tượng khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
	603.950.704	1.225.468.437
	15.065.232	3.691.882
Cộng	619.015.936	1.229.160.319

b. Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	28.151.999	-	-	28.151.999
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	265.049.799	1.410.742.385	765.049.799	-	910.742.385
Thuế thu nhập cá nhân	-	62.802.926	814.062.264	758.551.889	-	118.313.301
Thuế đất, tiền thuê đất	-	-	86.412.744	86.412.744	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	4.516.772	4.516.772	-	-
Cộng	-	327.852.725	2.343.886.164	1.614.531.204	-	1.057.207.685

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Chi phí môi giới	551.032.333	938.009.894
Cộng	551.032.333	938.009.894

17. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	3.848.781	-
Cổ tức lợi nhuận phải trả	25.299.107	25.195.107
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.011.560	228.011.560
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội</i>	-	227.000.000
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>1.011.560</i>	<i>1.011.560</i>
Cộng	30.159.448	253.206.667
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược của các nhà sách dài hạn	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu						
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.132.164.715	11.346.480.999	126.226.156.640
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	8.124.709.531	8.124.709.531
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	67.318.884	(8.174.423.850)	(8.107.104.966)
Số dư cuối năm trước	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.199.483.599	11.296.766.680	126.243.761.205
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.199.483.599	11.296.766.680	126.243.761.205
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.236.183.025	8.236.183.025
Phân phối lợi nhuận trong năm nay (*)	-	-	-	-	(7.972.467.200)	(7.972.467.200)
Số dư cuối năm nay	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	14.199.483.599	11.560.482.505	126.507.477.030

(*): Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/ĐHĐCĐ-BB ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/SGDHN ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 8% tương ứng với 7.972.467.200 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25	25.911.000.000	25
Bà Ngô Phương Anh	24.102.000.000	24	24.102.000.000	24
Các đối tượng khác	52.181.840.000	51	52.181.840.000	51
Cộng	102.194.840.000	100	102.194.840.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức đã chia	7.972.467.200	7.972.467.200

d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	253.900	253.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>253.900</i>	<i>253.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.965.584</i>	<i>9.965.584</i>
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

e) Các quỹ của Công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	14.199.483.599	14.199.483.599
Cộng	14.199.483.599	14.199.483.599

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	52.599.274.931	62.454.494.910
Doanh thu cung cấp dịch vụ	575.479.382	-
Cộng	53.174.754.313	62.454.494.910

Doanh thu với các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	326.046.888	-
Cộng	326.046.888	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	32.713.390.037	40.982.776.044
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	303.786.339	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	892.071.125	628.269.660
Cộng	33.909.247.501	41.611.045.704

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.497.802.826	5.072.478.969
Lãi bán các khoản chứng khoán kinh doanh	6.569.529.890	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.825.550.000	2.733.930.000
Cộng	13.892.882.716	7.806.408.969

5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	52.550.179	7.627.493
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.844.753.243	341.355.224
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(407.083.559)	(291.969.977)
Chi phí tài chính khác	8.918.778	2.072.004
Cộng	2.499.138.641	59.084.744

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	190.909.091	-
Các khoản khác	18.183.059	4.552.975
Cộng	209.092.150	4.552.975

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****7. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý hàng tồn kho kém phẩm chất	37.391.897	-
Phạt chậm nộp thuế	516.772	-
Các khoản khác	3.740	2.372
Cộng	37.912.409	2.372

8. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	5.727.002.056	5.837.146.649
Chi phí hoa hồng môi giới	1.617.188.467	1.167.734.695
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	509.878.363	552.416.800
Chi phí thuê kho	675.495.882	766.424.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.094.641	-
Chi phí khác bằng tiền	5.284.158.827	5.197.853.140
Cộng	13.923.818.236	13.521.576.158

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.137.106.243	3.748.062.822
Chi phí vật liệu quản lý	2.953.704	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.118.643	24.835.464
Thuế, phí và lệ phí	120.052.744	-
Chi phí dự phòng	(328.433.574)	(747.312.977)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.368.606.124	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.606.236.210	2.526.858.153
Cộng	6.933.640.094	5.552.443.462

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.163.320.296	6.700.508.396
Chi phí nhân công	9.864.108.299	9.585.209.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.930.105	179.822.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.261.214.714	24.683.913.400
Chi phí khác bằng tiền	10.236.432.198	4.526.696.768
Chi phí dự phòng	254.944.040	(119.043.317)
Cộng	48.914.949.652	45.557.107.646

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.646.925.410	9.521.304.414
- Các khoản điều chỉnh tăng	232.336.515	195.600.000
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	<i>232.336.515</i>	<i>195.600.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.825.550.000	2.733.930.000
+ <i>Cổ tức nhận được</i>	<i>2.825.550.000</i>	<i>2.733.930.000</i>
Tổng thu nhập tính thuế	7.053.711.925	6.982.974.414
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.410.742.385	1.396.594.883
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.410.742.385	1.396.594.883

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 25% vốn điều lệ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là ông Ngô Trọng Vinh đến ngày 30 tháng 10 năm 2025
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Đồng Nai	Cùng Chủ tịch HĐQT là ông Ngô Trọng Vinh
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****2.2 Giao dịch với bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua vật tư	-	1.333.632.650
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	575.479.382	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	799.488.607	871.751.886
	Cung ứng sách	-	198.406.960
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	-	62.160.002
	Cung ứng sách	936.460.020	1.632.600.240
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	Cho thuê văn phòng	4.545.455	-
	Cổ tức được chia	288.000.000	216.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Cho vay	-	2.000.000.000
	Thu tiền cho vay	8.150.000.000	7.100.000.000
	Lãi cho vay	4.279.154.795	4.903.705.477
	Cổ tức được chia	1.349.500.000	1.349.500.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu khách hàng (TM V.3)	520.054.197	927.001.137
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	98.406.960
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	520.054.197	828.594.177
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM V.5)	43.850.000.000	52.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	43.850.000.000	52.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn (TM V.6)	1.179.514.515	400.993.151
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	660.735.617	400.993.151
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	518.778.898	-
Phải trả người bán (TM V.13)	360.918.354	290.526.907
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	37.800.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	360.918.354	252.726.907
Người mua trả trước (TM V.14)	603.950.704	1.225.468.437
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	603.950.704	1.225.468.437

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm:

Họ tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc				
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	42.000.000	42.000.000
	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	185.294.855	222.517.754
Ông Ngô Anh Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao	33.600.000	33.600.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
	Tổng Giám Đốc	Lương, thưởng	747.681.468	828.563.860
Bà Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	20.500.000
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Thù lao	-	9.500.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	30.000.000	30.000.000
Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát				
Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	12.000.000	12.000.000
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	3.800.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Ủy viên Ban kiểm soát	Thù lao	8.200.000	-
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	518.673.329	536.176.088
	Thư ký	Thù lao	12.000.000	12.000.000
Tổng cộng			1.731.249.652	1.866.857.702

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sách trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.913.992.991	-	18.646.479.559	-
Phải thu về cho vay	43.850.000.000	-	52.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.655.543.808	(7.720.155.066)	17.995.932.422	(8.048.588.640)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.517.540.157	(2.505.084.224)	15.170.615.550	(67.414.540)
Cộng	99.937.076.956	(10.225.239.290)	103.813.027.531	(8.116.003.180)

Giá trị sổ sách

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	4.668.034.157	7.117.488.725
Chi phí phải trả	551.032.333	938.009.894
Các khoản phải trả khác	1.011.560	228.011.560
Cộng	5.220.078.050	8.283.510.179

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng. Tiền gửi ngân hàng: phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Trên 5 năm	Cộng
Cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.668.034.157	-	-	4.668.034.157
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	551.032.333	-	-	551.032.333
Các khoản phải trả khác	1.011.560	-	-	1.011.560
Cộng	5.220.078.050	-	-	5.220.078.050
Đầu năm				
Phải trả cho người bán	7.117.488.725	-	-	7.117.488.725
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	938.009.894	-	-	938.009.894
Các khoản phải trả khác	228.011.560	-	-	228.011.560
Cộng	8.283.510.179	-	-	8.283.510.179

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

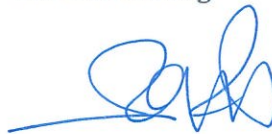
Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Người lập biểu



Vũ Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026